

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT  
Ngày: 25 - 4 - 2023  
V/v “Chia tài sản chung sau khi  
ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

**- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Sâm

*Các Thẩm phán:* ông Đinh Huy Lương

ông Nguyễn Tử Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/12/2022 và ngày 25/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐ-PT ngày 02/12/2022; Quyết định ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT ngày 20/12/2022; Thông báo mở lại phiên tòa ngày 30/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị Bùi Thị Kim D, sinh năm 1983; địa chỉ: Trung tâm VH TT huyện NQ, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

**Bị đơn:** anh Bùi Ngọc Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 55, đường ĐTM, phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** bà Đoàn Thị H và bà Ngô Thị L - trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh NB; địa chỉ: số 19, đường TA, phố 10, phường ĐT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng NNVN; địa chỉ: số 02, đường LH phường TC, quận BĐ, Th phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng NNVN: ông Dương Quốc H - Giám đốc Ngân hàng NNVN chi nhánh huyện NQ; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019) (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

3. Người kháng cáo: anh Bùi Ngọc Th là bị đơn.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Kim D trình bày:*

Chị Bùi Thị Kim D và anh Bùi Ngọc Th kết hôn tháng 10 năm 2007, trong quá trình chung sống hai người không hạnh phúc, tháng 7 năm 2021 anh Th chị D đã ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan chị D và anh Th thỏa thuận giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, về tài sản chung chưa chia. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị D và anh Th theo quy định của pháp luật gồm:

1. Về đất: có 02 thửa:

- Thửa thứ nhất: Quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã VP, huyện Nho Quan, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU483143 ngày 03/12/2020 mang tên ông Bùi Ngọc Th và bà Bùi Thị Kim D (vị trí đất: thôn B, xã VP, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình).

- Thửa thứ hai: Quyền sử dụng đất diện tích 80m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính thị trấn NQ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ881763 ngày 17/12/2013 mang tên ông Bùi Ngọc Th và bà Bùi Thị Kim D (vị trí đất: phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình).

2. Nhà ở + các công trình xây dựng:

- 01 Nhà 02 tầng cùng công trình xây trên diện tích đất 80m<sup>2</sup> tại thửa 169, xây dựng năm 2010.

3. Các tài sản khác:

- 01 xe ô tô KiaCerato biển kiểm soát 35A - 24633, Giấy đăng ký xe mang tên Bùi Thị Kim D mua tháng 7 năm 2021 (hiện nay anh Th đang quản lý xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe).

- 01 xe máy SH biển kiểm soát 35N1-35680, Giấy đăng ký xe mang tên Bùi Thị Kim D, mua tháng 01 năm 2019 (hiện nay anh Th đang quản lý xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe).

- 01 xe máy Honda Lead biển kiểm soát 35H4-1990, Giấy đăng ký xe mang tên Bùi Thị Kim D, mua năm 2009 (hiện nay chị D đang quản lý, sử dụng).

- 01 bộ bàn ghế gỗ mua năm 2017.

- 01 đồng hồ đứng gỗ Hương, mua năm 2016.

- 01 kệ ti vi gỗ Hương.

- 01 tủ bếp gỗ treo tường.

- 02 Điều hòa hiệu Panasonic 9000 BTU phòng khách (mua năm 2018 và 2016).
- 01 điều hòa Panasonic 9000 BTU phòng ngủ.
- 02 bình lọc sứ bát tràng cao 1,55m, mua năm 2013.
- 01 tủ lạnh hiệu Hitachi mua năm 2017.
- 01 máy giặt hiệu Samsung mua năm 2017.
- 01 máy giặt hiệu Sanyo mua năm 2012.
- 01 cây nước lọc nóng lạnh mua năm 2020.
- 01 máy tính Laptop hiệu HP mua năm 2020.
- 01 máy tính để bàn hiệu Samsung mua năm 2009.
- Và Sổ trái phiếu anh Bùi Ngọc Th đã mua của Ngân hàng NN chi nhánh huyện NQ là 300.000.000 đồng.

- Số tiền 1.000.000.000 đồng có trong Sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN chi nhánh huyện NQ, thời điểm gửi trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đã rút ra số tiền 570.000.000 đồng để mua xe ô tô, anh Th có chuyển cho chị D số tiền 64.000.000 đồng, còn lại anh Th đang giữ là 366.000.000 đồng.

Số tài sản trên hiện nay chị D đang quản lý 01 xe máy Lead, 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Sanyo, 01 cây nước nóng lạnh, 01 laptop HP, 01 máy tính Samsung. Còn lại toàn bộ tài sản trên anh Th đang quản lý.

Chị D xác định thửa đất số 169, tờ bản đồ số 29, diện tích 80m<sup>2</sup>, bản đồ địa chính thị trấn NQ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/12/2013 mang tên hộ ông Bùi Ngọc Th và bà Bùi Thị Kim D là tài sản chung của vợ chồng, vì bố chồng chị vay tiền để mua đất vào tháng 8/2007, tháng 10/2007 chị D và anh Th cưới. Sau khi cưới vợ chồng chị D ở chung với bố mẹ chồng một thời gian và vợ chồng chị D là người trực tiếp trả nợ toàn bộ số tiền mua đất 64.000.000 đồng (sáu tư triệu đồng) cùng với sự hỗ trợ của ông bà nội ngoại hai bên và tiền anh chị có đã xây căn nhà trên đất năm 2011. Chị D xác định bố chồng chị là ông Bùi Văn H (đã chết) chỉ là người đứng ra làm các thủ tục giao dịch hộ cho vợ chồng chị D.

Về công nợ chung: chị D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản chung, chị D xin được sở hữu và sử dụng 01 xe ô tô Kia, 01 xe mô tô SH, quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup> tại xã VP; còn lại anh Th sở hữu sử dụng và phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị D.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Ngọc Th trình bày:*

Anh Th xác định tài sản chung của anh Th và chị D gồm có các tài sản như trong biên bản định giá ngày 20/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản. Riêng đối với thửa đất số 169, diện tích 80m<sup>2</sup>, tại phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan không phải là tài sản chung của vợ chồng, anh Th xác định về nguồn gốc thửa đất 169 diện tích 80m<sup>2</sup> là của bố anh ông Bùi Ngọc H đã mua từ tháng 8 năm 2007 trước khi anh kết hôn với chị D và tặng riêng cho anh. Năm 2011 xây nhà, việc xây nhà thì do vợ

chồng và hai bên nội ngoại hỗ trợ để xây nhà. Anh Th xác định thửa đất số 169 diện tích 80m<sup>2</sup> tại phố TN, thị trấn NQ là tài sản riêng của anh Th.

Ngoài ra anh Th xác định còn các công nợ chung của vợ chồng như trong các hợp đồng tín dụng và Hợp đồng nhận nợ mua trái phiếu tại Ngân hàng NN huyện NQ, anh đã nộp cho Tòa án ngày 11/3/2022, anh xác định các hợp đồng này đã thanh toán xong, nhưng nguồn gốc anh vay tiền để mua đất ở xã VP và để xây dựng nhà tại phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình, anh Th đề nghị Tòa án giải quyết về các hợp đồng tín dụng trên.

Đối với số tiền trong sổ tiết kiệm tại Ngân hàng NN huyện NQ anh đã rút và trả nợ tiền mua thửa đất ở xã VP, hiện nay số tiền trên không còn.

*Tại văn bản ngày 03/8/2022 Ngân hàng NNVN chi nhánh huyện NQ cung cấp:*  
(đến thời điểm tháng 7/2021)

Ngày 21/12/2018 chuyển tiền mua trái phiếu 100.000.000đồng;

Ngày 23/9/2019 chuyển tiền mua trái phiếu 100.000.000đồng;

Ngày 24/12/2020 chuyển tiền mua trái phiếu 100.000.000đồng;

Hợp đồng tín dụng ngày 13/5/2020 vay số tiền 170.000.000đồng mua trái phiếu trị giá 200.000.000đồng; Hợp đồng tín dụng ngày 09/4/2021 vay số tiền 85.000.000 đồng mua trái phiếu trị giá 100.000.000đồng.

Đến ngày 03/8/2022 anh Th còn nợ số tiền gốc là 245.000.000đồng.

Ngày 31/5/2022 bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ anh Th) có văn bản trình bày: Lô đất số 06, lô 110 khu TN, xã LP mang tên anh Bùi Ngọc Th và căn nhà 02 tầng trên đất là tài sản của bà Nguyễn Thị và ông Bùi Ngọc H (là bố đẻ anh Th, nay đã chết). Nay vợ chồng anh Th chị D ly hôn, bà không đồng ý cho anh Th nữa.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ: các Điều 147, 157, 165, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 34, 37, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim D về việc chia tài sản chung giữa chị và anh Bùi Ngọc Th.

- Chia cho chị D được quyền sử dụng và sở hữu: Quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 7, ở thôn B, xã VP, huyện Nho Quan, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Kim D và Bùi Ngọc Th cấp ngày 03/12/2022 trị giá 1.300.000.000 đồng; 01 xe Lead hết khấu hao; 01 tủ lạnh Hitachi hết khấu hao; 01 máy giặt hiệu Sanyo hết khấu hao; 01 cây nước nóng Karopy 3.600.000 đồng; 01 laptop HP 7.200.000 đồng; 01 máy tính Samsung hết khấu hao và 01 xe ô tô Kia Cerato biển kiểm soát 35A-24633, đăng ký xe mang tên Bùi Thị Kim D trị giá 653.310.000 đồng; 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 35N1-35680 trị giá

56.000.000 đồng và số tiền 64 000 000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.084.110.000 đồng. (hiện nay anh Th đang quản lý xe ô tô, xe mô tô SH và các giấy tờ kèm theo).

- Chia cho anh Th được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau: Quyền sử dụng 80m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 29 ở phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Kim D và Bùi Ngọc Th trị giá 1.150.000.000 đồng; Nhà ở và các công trình xây dựng trên thửa đất số 169 tờ bản đồ số 29 ở phố TN trị giá là 449.068.750 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 7.750.000 đồng; 01 đồng hồ gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 01 kệ tivi gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 02 điều hòa phòng khách hiệu Panasonic 9000 BTU trị giá 9.000.000 đồng; 01 điều hòa Panasonic 9000 BTU trong phòng ngủ trị giá 2.250.000 đồng; 01 tủ bếp gỗ treo tường hết khấu hao; 02 bình lọc sứ bát tràng cao 1,55m hết khấu hao; Số tiền gửi tiết kiệm 366.000.000 đồng; Trái phiếu trị giá 300.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh Th được chia là 2.288.068.750 đồng. (toàn bộ các tài sản trên anh Th đang quản lý và sử dụng).

Anh Th có trách nhiệm thanh toán khoản nợ là 245.000.000 đồng cho Ngân hàng NN chi nhánh NQ theo các Hợp đồng tín dụng số 3305LVA20201082 ký ngày 13/5/2020 và Hợp đồng tín dụng số 3305LAV202100966 ngày 09/4/2021.

Như vậy anh Th được sở hữu giá trị tài sản là 2.288.068.750 đồng - 245.000.000 đồng = 2.043.068.750 đồng. Đối trừ số tài sản hai bên được chia thì chị D phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Th số tiền là 20.520.625 đồng.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: buộc anh Bùi Ngọc Th phải thanh toán lại cho chị Bùi Thị Kim D số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 2.850.000 đồng.

- Về án phí chia tài sản chung: anh Bùi Ngọc Th phải nộp 73.271.787 đồng; chị Bùi Thị Kim D phải nộp 73.271.787 đồng, được đối trừ số tiền 44.000.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/20121/0003413 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Chị D phải nộp tiếp số tiền là 29.271.787 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2022 anh Bùi Ngọc Th có đơn kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, theo hướng hủy bản án sơ thẩm: đưa thêm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản tranh chấp vào tham gia tố tụng; định giá lại tài sản tranh chấp đúng với giá thị trường; xe ô tô mua 670 triệu đồng trong bản án ghi 570 triệu; đề nghị Tòa án miễn giảm án phí sơ thẩm cho anh Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết lại phần tài sản chung, quyền sử dụng đất diện tích 80m<sup>2</sup> tại thửa số 169,

phô TN, thị trấn NQ và ngôi nhà ở 02 tầng cùng các công trình xây dựng trên thửa đất số 169, xe ô tô là tài sản riêng của anh Th và xem xét nguồn gốc thửa đất số 169, diện tích 80m<sup>2</sup> có công sức đóng góp của anh Th; xe ô tô Kia mới mua định giá thấp, những tài sản giao cho anh Th quản lý sử dụng giá trị cao; tài sản giao cho chị D giá trị thấp; yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Th trong đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm nội D giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Ngọc Th; Sửa bản án sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; xác định lại án phí dân sự sơ thẩm; anh Th không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng.

[1.2] Đơn kháng cáo của anh Bùi Ngọc Th được làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội D đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của anh Bùi Ngọc Th hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về đảm bảo quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm theo nội D kháng cáo của người kháng cáo.

[1.5] Đối với yêu cầu của anh Th đề nghị định giá lại tài sản đúng với giá thị trường, anh Th cho rằng việc định giá cấp sơ thẩm là cao so với giá thị trường và có một số tài sản trị giá không đồng hết khấu hao. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/12/2022 anh Th vẫn đề nghị định giá lại tài sản. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa (thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ, định giá lại tài sản), để anh Th lựa

chọn công ty thẩm định giá tài sản. Tòa án đã yêu cầu anh Th cung cấp thông tin lựa chọn công ty thẩm định giá tài sản và hợp đồng định giá tài sản và ra thông báo anh Th nộp tạm ứng chi phí tổ tụng thẩm định giá lại tài sản.

Ngày 02/3/2023 Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh Th lựa chọn công ty thẩm định giá và Hợp đồng thẩm định giá giữa anh Th và Công ty cổ phần dịch vụ tài chính và thẩm định giá tài sản VN ký kết ngày 28/02/2023, hợp đồng trên không có dấu của công ty định giá tài sản. Ngày 03/3/2023 Tòa án gửi văn bản yêu cầu Công ty cổ phần dịch vụ tài chính và thẩm định giá tài sản VN cung cấp thông tin trả lời bằng văn bản cho Tòa án giá trị pháp lý của hợp đồng và thời gian kế hoạch định giá. Nhưng đã quá thời hạn Tòa án vẫn không nhận được văn bản trả lời của Công ty và đến nay anh Th cũng không nộp tạm ứng chi phí tổ tụng do Tòa án yêu cầu. Tại phiên tòa ngày 25/4/2023 anh Th không có đề nghị gì, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về nội dung kháng cáo của anh Bùi Ngọc Th.

[2.1] Anh Th yêu cầu xem xét lại tài sản chung của vợ chồng, anh Th cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 80m<sup>2</sup> tại thửa số 169, phố TN, thị trấn NQ và ngôi nhà ở 02 tầng cùng các công trình xây dựng trên thửa đất số 169 là tài sản riêng của anh Th.

Hội đồng xét xử xét thấy: nguồn gốc đối với thửa số 169, diện tích 80m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 29, phố TN, thị trấn NQ, theo phiếu thu ngày 01/8/2007 thể hiện người nộp tiền là anh Bùi Ngọc Th (ông H là bố anh Th nộp thay), là của anh Th nộp trước khi anh Th và chị D kết hôn tháng 10/2007, ngày 09/3/2009 UBND huyện Nho Quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Bùi Ngọc Th. Ngày 17/12/2013 thửa đất trên được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Bùi Ngọc Th và chị Bùi Thị Kim D, sau đó ngày 26/10/2020 anh Th chị D đã thế chấp quyền sử dụng đất trên để vay tiền ngân hàng. Do đó thửa đất số 169 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên anh Th và chị D từ năm 2013, anh Th đã biết mà không có ý kiến gì. Như vậy có căn cứ để xác định quyền sử dụng đất diện tích 80m<sup>2</sup>, tại thửa 169 có nguồn gốc là của anh Th, anh Th đã tự nguyện đưa vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, anh Th cho rằng chị D đã giả mạo chữ ký của anh Th để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên hai vợ chồng và yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết Bùi Ngọc Th trong đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh Th không có yêu cầu giám định, hơn nữa khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 2 vợ chồng anh Th chị D từ năm 2013 đến nay anh Th đã biết và không có ý kiến phản đối gì về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đã tự nguyện đưa vào khối tài sản chung của vợ chồng, nên yêu cầu trên của anh Th là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 169, diện tích 80m<sup>2</sup> trị giá là 1.150.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng anh Th chị D là đúng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét đến nguồn gốc hình Th nên thửa đất là của anh Th có trước

khi kết hôn với chị D, vì vậy khi phân chia tài sản chung của vợ chồng cần xác định công sức đóng góp anh Th được hưởng phần giá trị quyền sử dụng đất nhiều hơn chị D. Do đó xác định anh Th được hưởng 60% giá trị quyền sử dụng đất trị giá là 690.000.000 đồng, chị D được hưởng 40% giá trị quyền sử dụng đất trị giá là 460.000.000 đồng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Đối với nhà ở 02 tầng và các công trình xây dựng trên diện tích 80m<sup>2</sup>, tại thửa số 169, phố TN, thị trấn NQ có trị giá là 449.068.750 đồng, anh Th xác định là bố mẹ anh Th xây cho vợ chồng anh, nên đây là tài sản riêng của anh Th. Bà Nguyễn Thị C có văn bản trình bày với nội D là nhà đất mà vợ chồng anh Th đang ở là của vợ chồng bà mua đất, xây nhà và chi cho riêng anh Th. Tuy nhiên phiếu thu ngày 01/8/2007 thể hiện anh Th là người nộp tiền sử dụng đất (ông Hiên là người nộp thay). Hơn nữa nhà ở và các công trình trên đất được xây dựng vào năm 2011 sau khi anh Th và chị D đã kết hôn, anh Th chị D là người trực tiếp sinh sống trên nhà đất. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện vợ chồng bà Nguyễn Thị C đã tặng cho quyền sử dụng đất hay là người đứng ra xây dựng nhà ở và các công trình trên đất. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2022 anh Th cũng thừa nhận việc xây nhà là do hai vợ chồng và hai bên nội ngoại cùng hỗ trợ. Vì vậy nhà ở và các công trình xây trên thửa đất số 169, phố TN, thị trấn NQ là tài sản chung của vợ chồng anh Th, chị D. Do đó việc anh Th đề nghị đưa bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup>, thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 7, tại thôn B, xã VP, huyện Nho Quan, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/12/2020 mang tên anh Th và chị D trị giá là 1.300.000.000 đồng là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nên xác định là tài sản chung của anh Th và chị D.

[2.4] Đối với tài sản là sổ tiết kiệm chị D trình bày là 1.000.000.000 đồng (có nguồn gốc là số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở xã ĐP, huyện Nho Quan được 2.000.000.000 đồng, trong đó anh chị đã bỏ ra 1.000.000.000 đồng để mua đất ở xã VP, huyện Nho Quan). Chị D và anh Th đều xác định anh chị đã rút ra số tiền 570.000.000 đồng để mua xe ô tô và anh Th đã chuyển khoản cho chị D số tiền 64.000.000 đồng (đều phù hợp với các chứng từ anh Th giao nộp), số tiền còn lại là 366.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm anh Th không có yêu cầu gì về khoản tiền trên, nên cần xác định số tiền tiết kiệm còn lại 366.000.000 đồng là tài sản chung của anh Th chị D.

[2.5] Đối với số tiền 300.000.000 đồng trái phiếu Agribank, do anh Th đang quản lý và mua tại các thời điểm ngày 21/12/2018, ngày 23/9/2019 và ngày 24/12/2020 là trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của anh Th chị D.

[2.6] Đối với xe ô tô Kia Cerato biển kiểm soát 35A-24633 trị giá 653.310.000 đồng, anh Th chị D xác định mua xe vào tháng 7 năm 2021 sau khi anh Th chị D đã

ly hôn, nhưng số tiền để mua xe có nguồn gốc từ số tiền tiết kiệm của anh Th chị D (phù hợp với chứng từ ghi ngày 31/7/2021 do anh Th xuất trình có nội D chuyển tiền cho chị D mua xe ô tô) giấy chứng nhận đăng ký xe ghi tên chủ xe là chị Bùi Thị Kim D, do đó xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của anh Th chị D, không phải là tài sản riêng của anh Th.

[2.7] Các tài sản khác gồm: số tiền 64.000.000 đồng chị D đang quản lý do anh Th chuyển khoản cho chị D; 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 35N1-35680 trị giá 56.000.000 đồng; 01 cây lọc nóng lạnh Karopi trị giá 3.600.000 đồng; 01 máy tính laptop HP trị giá 7.200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 7.750.000 đồng; 01 đồng hồ đứng gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 01 kệ tivi gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 02 điều hòa phòng khách Panasonic trị giá 9.000.000 đồng; 01 điều hòa phòng ngủ Panasonic trị giá 2.250.000 đồng; các tài sản còn lại là 02 bình lọc sứ bát tràng; 01 tủ bếp gỗ treo tường; 01 tủ lạnh Hitachi; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Samsung; 01 xe mô tô Honda Lead biển kiểm soát 35H4-1990; 01 máy tính bàn hiệu Samsung đều đã hết khấu hao được hình Th trong thời kỳ hôn nhân, anh Th, chị D đều thừa nhận là tài sản chung vợ chồng nên xác định là tài sản chung của anh Th và chị D.

[2.8] Về công nợ chung: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì 02 hợp đồng tín dụng số 3305LAV202001082 ngày 13/05/2020 và hợp đồng tín dụng số 3305LAV202101966 ngày 09/04/2021 tại Ngân hàng NNVN cùng giấy nhận nợ do anh Th và Ngân hàng NNVN chi nhánh NQ cung cấp thể hiện đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của hai vợ chồng, với mục đích vay để mua trái phiếu Agribank, dư nợ tính đến ngày 03/8/2022 số nợ là 245.000.000 đồng. Do đó xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh Th và chị D. Vì vậy cần giao cho anh Th quản lý số trái phiếu và có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng NNVN chi nhánh NQ.

Như vậy tổng giá trị tài sản chung của anh Th và chị D là 4.372.178.750 đồng, sau khi đối trừ đi khoản nợ là 245.000.000 đồng; số tài sản còn lại là 4.127.178.750 đồng, trong đó giá trị tài sản chị D được hưởng là 1.948.589.375 đồng; giá trị tài sản anh Th được hưởng là 2.178.589.375 đồng.

Xét về nguyện vọng, nhu cầu điều kiện chỗ ở và các tài sản hiện anh Th chị D đang quản lý sử dụng, thì tài sản chung được chia bằng hiện vật như sau:

- Chia cho chị Bùi Thị Kim D được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup> tại thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 7, tại thôn B, xã VP, huyện Nho Quan, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Ngọc Th và Bùi Thị Kim D trị giá 1.300.000.000 đồng; 01 xe ô tô Kia Cerato biển kiểm soát 35A-24633 đăng ký xe mang tên Bùi Thị Kim D trị giá 653.310.000 đồng; 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 35N1- 35680 trị giá 56.000.000 đồng; 01 cây nước nóng Karopi trị giá 3.600.000 đồng; 01 laptop HP trị giá 7.200.000 đồng; 01 tủ lạnh Hitachi; 01 máy giặt Sanyo; 01 xe mô tô Lead; 01 máy tính Samsung và số tiền là 64 000 000đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.084.110.000 đồng (Hai tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Chị Bùi Thị Kim D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Th số tiền là 2.084.110.000đ - 1.948.589.375 đồng = 135.520.625 đồng.

- Chia cho anh Bùi Ngọc Th được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 80m<sup>2</sup> tại thửa số 169, tờ bản đồ số 29, tại phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Bùi Ngọc Th và chị Bùi Thị Kim D trị giá 1.150.000.000 đồng và ngôi nhà 02 tầng cùng các công trình xây dựng trên thửa đất 169 trị giá 449.068.750 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 7.750.000 đồng; 01 đồng hồ đứng gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 01 kệ tivi gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 02 điều hòa phòng khách Panasonic 9000 BTU trị giá 9.000.000 đồng; 01 điều hòa phòng ngủ Panasonic 9000 BTU trị giá 2.250.000 đồng; 01 tủ bếp gỗ treo; 02 bình lọc sứ bát tràng cao 1,55m; 01 máy giặt Samsung và số tiền gửi tiết kiệm là 366.000.000 đồng; số trái phiếu Agribank trị giá là 300.000.000 đồng (do anh Th đang đứng tên). Tổng giá trị tài sản anh Th được giao là 2.288.068.750 đồng (Hai tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng); đồng thời anh Th có trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung là 245.000.000 đồng đối với 02 hợp đồng tại ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Nho Quan. Sau khi đối trừ khoản nợ chung của vợ chồng anh Th còn lại là 2.043.068.750 đồng.

- Anh Th được nhận tiền chênh lệch giá trị tài sản từ chị D số tiền là 135.520.625 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết tại sơ thẩm chị D đã nộp toàn bộ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 5.700.000 đồng, chị D đề nghị mỗi người phải chịu một nửa, anh Th cũng nhất trí. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định mỗi người phải chịu 1/2 chi phí tố tụng và buộc anh Th phải thanh toán lại cho chị D số tiền là 2.850.000đồng là đúng theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc chị D và anh Th mỗi người phải nộp là 73.271.787 đồng. Tại cấp phúc thẩm anh Th đã có đơn xin miễn án phí và cung cấp tài liệu chứng minh anh Th là người khuyết tật. Hội đồng xét xử xét thấy: anh Th là người khuyết tật và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó anh Th được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản chị D được chia là 1.948.589.375 đồng.

$36.000.000\text{đồng} + [(1.948.589.375\text{đ} - 800.000.000\text{đ} \times 3\%) = 34.457.681\text{đ}] = 70.457.681\text{ đồng}$ . (làm tròn: 70.458.000 đồng) (bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Từ căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Ngọc Th; Sửa bản án sơ thẩm số

52/2022/HNGĐ-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, Điều 34, Điều 37, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 213, Điều 219, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ: điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 5, 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Ngọc Th.
2. Sửa bản án sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

2.1. Chia cho chị Bùi Thị Kim D được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup> tại thửa số 1071, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã VP, huyện Nho Quan, đã được UBND huyện Nho Quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 483143 ngày 03/12/2020 mang tên anh Bùi Ngọc Th và chị Bùi Thị Kim D trị giá 1.300.000.000 đồng; 01 xe ô tô Kia Cerato biển kiểm soát 35A-24633 đăng ký xe mang tên Bùi Thị Kim D trị giá 653.310.000 đồng; 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 35N1-35680 trị giá 56.000.000 đồng; 01 cây nước nóng Karopy trị giá 3.600.000 đồng; 01 laptop HP trị giá 7.200.000 đồng; 01 tủ lạnh Hitachi hết khấu hao; 01 máy giặt Sanyo hết khấu hao; 01 xe mô tô Lead biển kiểm soát 35H4-1990 hết khấu hao; 01 máy tính Samsung hết khấu hao và số tiền là 64 000 000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.084.110.000 đồng (Hai tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Chị Bùi Thị Kim D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Bùi Ngọc Th số tiền là 135.520.625 đồng (làm tròn 135.521.000 đồng) (Một trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

2.2. Chia cho anh Bùi Ngọc Th được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 80m<sup>2</sup> tại thửa số 169, tờ bản đồ số 29 tại phố TN, thị trấn NQ, huyện Nho Quan, đã được UBND huyện Nho Quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 881763 ngày 17/12/2013 mang tên anh Bùi Ngọc Th và chị Bùi Thị Kim D trị giá 1.150.000.000 đồng và ngôi nhà 02 tầng cùng các công trình xây dựng trên thửa đất số 169 trị giá 449.068.750 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị

giá 7.750.000 đồng; 01 đồng hồ đứng gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 01 kệ tivi gỗ Hương trị giá 2.000.000 đồng; 02 điều hòa phòng khách Panasonic 9000 BTU trị giá 9.000.000 đồng; 01 điều hòa phòng ngủ Panasonic 9000 BTU trị giá 2.250.000 đồng; 01 tủ bếp gỗ treo tường hết khấu hao; 02 bình lọc sứ bát tràng cao 1,55m hết khấu hao; 01 máy giặt Samsung hết khấu hao và số tiền gửi tiết kiệm là 366.000.000 đồng; số trái phiếu Agribank trị giá là 300.000.000 đồng do anh Th đang đứng tên. Tổng giá trị tài sản là 2.288.068.750 đồng (Hai tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Anh Bùi Ngọc Th được nhận tiền chênh lệch giá trị tài sản từ chị Bùi Thị Kim D số tiền là 135.520.625 đồng (làm tròn 135.521.000 đồng) (Một trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

2.3. Anh Bùi Ngọc Th có trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung 02 hợp đồng tín dụng số 3305LAV202001082 ngày 13/05/2020 và hợp đồng tín dụng số 3305LAV202101966 ngày 09/04/2021 tại Ngân hàng NNVN chi nhánh NQ số dư nợ là 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không thi hành án hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Về chi phí tố tụng: buộc anh Bùi Ngọc Th phải thanh toán lại cho chị Bùi Thị Kim D số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 2.850.000 đồng (hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Bùi Ngọc Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Bùi Thị Kim D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 70.457.681 đồng. (làm tròn: 70.458.000 đồng (bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng)); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 44.000.000 đồng. Chị D còn phải nộp số tiền án phí là 26.457.667 đồng (làm tròn 26.458.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng)).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Bùi Ngọc Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2022).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân huyện Nho Quan;
- Chi cục THADS huyện Nho Quan;
- Các đương sự;
- Phòng KTNVTHA;
- Phòng TCCB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự; Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trần Thị Sâm**